

Bản án số: 401/2025/HS-ST
Ngày: 29-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Bà Lê Thị Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 204/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Hà Thị H sinh năm 1998 tại tỉnh Sơn La; căn cước công dân: 014198004633; nơi thường trú: xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã H, tỉnh Sơn La); nơi tạm trú: tổ X, khu phố YY, phường H1, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường H1, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: môi giới bất động sản; giới tính: nữ; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; con ông Hà Văn Th và bà Đinh Thị Th1; bị cáo có chồng ông Hà Minh Ng (đã ly hôn năm 2018); có người 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị H: Bà Huỳnh Phi Y – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

Bị hại: Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp R, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: khu Q, phường H2, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông La Hoàng B sinh năm 1985 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: hẻm N, khu phố T, phường N1, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1989, bà Triệu Thị S sinh năm 1986, cùng nơi cư trú: ấp B, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau (nay là xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau), vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T sinh năm 1988 tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: tổ X, khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh);

4. Bà Vũ Thị Minh H sinh năm 1990 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: số X Ngõ Quyền, tổ N, thị trấn B, huyện Krong Anna, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Krong Anna, tỉnh Đắk Lắk); nơi tạm trú: ấp B1, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Lò Thị Th2 sinh năm 1989, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH nhà đất V Group (Công ty V), địa chỉ trụ sở: số A, đường L, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh), hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 38012463XX do ông Nguyễn Văn K – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hà Thị H được ông K giao làm Trưởng phòng giao dịch Tân Uyên, địa chỉ: khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định bổ nhiệm số 10/2021/QĐ-LVG ngày 15/12/2021. Nhiệm vụ được giao là quản lý nhóm khoảng 20 nhân viên bán hàng và tiếp thị, được đại diện Công ty V ký giấy thỏa thuận nhận tiền đặt cọc, văn bản thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng bất động sản với khách hàng và lập phiếu thu tiền khách thanh toán, sau đó bàn giao, chuyển tiền cùng giấy tờ đặt cọc lại cho Công ty V.

Trong thời gian làm Trưởng phòng giao dịch Tân Uyên từ 15/12/2021 đến tháng 4/2022, Công ty V giao cho H 01 (một) quyển phiếu thu mới số 000008, bên trong có phiếu thu in số thứ tự từ 000232 đến 000264, mỗi phiếu thu gồm 03 liên có màu trắng, đỏ, vàng để sử dụng lập phiếu thu nhận tiền của khách hàng. H đã sử dụng quyển phiếu thu này để lập phiếu thu tiền của khách hàng đặt cọc, thanh toán tiền mua đất dự án Khu dân cư Đào Gia Viên thuộc xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Theo quy định của Công ty tất cả tiền sau khi thu của khách đều giao lại cho ông K bằng hình thức chuyển khoản hoặc giao tiền mặt kèm theo phiếu thu và chứng từ.

H đã lợi dụng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao thu tiền chiếm đoạt tiền của Công ty, đồng thời gian dối che đậy hành vi của mình, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Tham ô của Công ty V số tiền nộp để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng của bà Vũ Thị Minh H

Ngày 06/6/2022, bà Vũ Thị Minh H, địa chỉ: ấp B1, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh) đặt tiền cọc lô đất D10 dự án Khu dân cư Phước An 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thể hiện qua phiếu thu số 000244, quyền số 000008 do H trực tiếp thu. Theo hợp đồng đặt cọc, ngày 21/6/2022 bà H tiếp tục chuyển khoản 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đến tài khoản số: 0281.000.578.530 của H với nội dung bổ sung cọc lô D10 H lập và giao cho bà H phiếu thu số 000249, quyền số 000008 ngày 20/6/2022. Sau khi nhận được 200.000.000đ nêu trên, H không nộp về cho Công ty mà lập thêm 01 (một) phiếu thu “không” số 000258 thể hiện số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), H tự ký tên bà H dưới mục “Người nộp tiền” trên phiếu thu này để hợp thức hóa. Sau đó, H nộp về Công ty tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) kèm theo phiếu thu phiếu 000244 và 000258, không báo cáo về việc lập phiếu 000249.

Ngày 18/4/2023, bà H đến Công ty V để đòi lại số tiền đặt cọc do Công ty V không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc. Ông K kiểm tra và làm việc với H thì phát hiện H chiếm đoạt 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) bằng việc lập 02 (hai) phiếu thu khác nhau, số tiền thu thực tế của bà H 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) như nêu trên.

Vụ thứ hai:

Tham ô của Công ty V số tiền nộp để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông La Hoàng B và bà Lê Thị T.

Khoảng tháng 5 năm 2022, ông La Hoàng B là nhân viên của Công ty V đồng thời có góp vốn với bà Lê Thị T để mua 01 (một) lô đất tại Khu dân cư xã Phước An như nêu trên với giá 1.355.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). Ngày 26/5/2022, ông B đặt tiền cọc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của H như đã nêu trên. Đến ngày 27/6/2022 ông B tiếp tục nộp tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bằng tiền mặt do H trực tiếp thu tiền nhưng không lập phiếu thu chỉ lập hợp đồng đặt cọc với Công ty V do H ký đại diện bên nhận cọc. Ngày 14/7/2022, ông B tiếp tục nộp cho Công ty V 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt do H nhận trực tiếp, có ký vào phiếu thu số 000253 quyền số 000008 nhưng không giao cho ông B giữ liên 2 (liên đỏ), do tin tưởng H là Trưởng Phòng kinh doanh nên ông B không yêu cầu H giao. Ngày 07/9/2022 và ngày 08/9/2022, ông B tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản cho H 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền ông B đã chuyển bằng hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt trực tiếp cho H là 850.000.000đ

(tám trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, H chỉ báo cáo và nộp 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo phiếu thu số 000253 cho Công ty V, không báo cáo 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) do ông B nộp và chuyển khoản cho H mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Cuối năm 2022, B liên hệ H để nộp hết số tiền theo hợp đồng thì được biết H đã sử dụng 400.000.000 đồng tiêu xài cá nhân và hứa sẽ thu xếp trả lại trước ngày 31/5/2023 nhưng không trả.

Tại Cáo trạng số: 225/CT-VKSBD-P1 ngày 28 tháng 10 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố Hà Thị H về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục xong hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hà Thị H với mức hình phạt từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Hà Thị H thống nhất tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn một mình nuôi hai người con nhỏ nên kính mong Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý quan điểm của người bào chữa và bổ sung nội dung bản thân bị cáo còn phải nuôi cha, mẹ và các con còn nhỏ, mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh này cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo còn có cơ hội nuôi dạy con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hà Thị H được phân công làm Trưởng phòng giao dịch Tân Uyên, địa chỉ: khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định bổ nhiệm số 10/2021/QĐ-LVG ngày 15/12/2021 của Công ty V. H lợi dụng nhiệm vụ được phân công trong hoạt động của Công ty như được quyền nhận tiền của khách hàng, quản lý tiền của Công ty thu được của khách hàng để giao lại cho Công ty nhưng từ ngày 26/5/2022 đến ngày 08/9/2022, tại Phòng giao dịch Tân Uyên, H chiếm đoạt tổng số tiền có trách nhiệm quản lý là 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) thu được của các khách hàng bà Vũ Thị Minh H 120.000.000đ; ông La Hoàng B và bà Lê Thị T 400.000.000đ để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi lạm dụng sự tín nhiệm của doanh nghiệp giao cho bị cáo quản lý tiền, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã nộp lại đủ số tiền đã chiếm đoạt khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người dân tộc Thái nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn phải một mình nuôi hai con nhỏ. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án.

[8] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Hà Thị H được ông Nguyễn Văn V và bà Triệu Thị S tự nguyện khắc phục trả lại cho Công ty V 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng). Công ty V đã trả lại cho bà Vũ Thị Minh H và ông La Hoàng B toàn bộ số tiền đã nộp cho Công ty V để chuyển nhượng bất động sản. Ông B, bà H, ông V, bà S không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Thị H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hà Thị H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm:

Bị cáo Hà Thị H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.